

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN KIỂM TRA

Năm Học : 2012 - 2013

Lớp Học : N34CKT1

Học Kỳ : 2

Môn Học : Kế toán quản trị

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 2						HỆ SỐ 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
1	3452010001	Phan Thị Diệu	0	0					0			0.0	0.0			
2	3452010002	Đào Thị Ngọc Dung	0	0					0			0.0	0.0			
3	3452010003	Kha Thụy Hoàng Dung	10	6					5			6.7	6.7			
4	3452010004	Trần Thị Phương Dung	0	0					0			0.0	0.0			
5	3452010005	Nguyễn Thị Hân	9	8					10			9.1	9.1			
6	3452010007	Phùng Thị Mỹ Hạnh	8	10					6			7.7	7.7			
7	3452010008	Tạ Thị Hà	0	0					0			0.0	0.0			
8	3452010009	Nguyễn Thị Thu Hiền	6	5					2			4.0	4.0			
9	3452010010	Võ Thị Hoa	8	5					5			5.9	5.9			
10	3452010011	Phan Thị Mỹ Hòa	9	8					4			6.6	6.6			
11	3452010013	Nguyễn Thị Thanh Kiều	9	9					9			9.0	9.0			
12	3452010014	Lư Ngọc Lê	7	7					6			6.6	6.6			
13	3452010015	Phan Văn Luân	0	0					0			0.0	0.0			
14	3452010016	Võ Thị Lorraine	9	8					7			7.9	7.9			
15	3452010017	Phạm Thị Khánh Ly	9	5					3			5.3	5.3			
16	3452010019	Phan Thị Hồng Na	7	7					4			5.7	5.7			
17	3452010021	Nguyễn Thị Hồng Nhi	6	7					5			5.9	5.9			
18	3452010023	Bùi Thị Phượng	10	10					9			9.6	9.6			
19	3452010024	Châu Mỹ Phượng	10	10					9			9.6	9.6			
20	3452010025	Nguyễn Thị Tâm	0	0					0			0.0	0.0			
21	3452010026	Nguyễn Thị Tấn	9	8					9			8.7	8.7			
22	3452010027	Bùi Minh Thắng	0	0					0			0.0	0.0			
23	3452010030	Trần Thị Phương Thúy	9	8					3			6.1	6.1			
24	3452010031	Dương Thị Thủy Tiên	9	8					6			7.4	7.4			
25	3452010034	Bùi Thị Uyên	9	9					9			9.0	9.0			
26	3452010035	Huỳnh Lê Khánh Vân	10	9					8			8.9	8.9			
27	3452010036	Mông Thị Vui	7	8					7			7.3	7.3			

Tổng số: 27 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	5	18.52
Giỏi	2	7.41
Khá	4	14.81
TB Khá	4	14.81

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	4	14.81
Không đạt	8	29.63
Miễn	0.00	0

Trưởng Khoa

Giáo viên bộ môn

Tp. HCM, ngày tháng năm

Giáo Vụ Khoa